

決定

關於減少2023年土地租金

根據2015年6月19日《政府組織法》；2019年11月22日修改和補充《政府組織法》和《地方政府組織法》若干條款的法律；

根據2013年11月29日《土地法》；

根據2019年6月13日《稅務管理法》；

根據政府2014年5月15日關於土地租金和水面租金徵收的第46/2014/ND-CP號議定；

根據政府2016年9月9日修改和補充各份規範土地使用金、土地租金、水面租金徵收的議定若干條款的第135/2016/ND-CP號議定；

根據政府2017年11月14日修改和補充各份規範土地使用金、土地租金、水面租金徵收的議定若干條款的第123/2017/ND-CP號議定；

根據政府2017年4月3日規範經濟區、高新區內土地使用金、土地租金、水面租金徵收的第35/2017/ND-CP號議定；

根據政府2020年10月19日規範《稅務管理法》若干條款細則的第126/2020/ND-CP號議定；

根據政府2023年7月15日關於化解生產經營困難、繼續推進行政程序改革和嚴格紀律、綱紀的任務、方案的第105/NQ-CP號決議；

應財政部部長的提議；

政府總理發布關於減少2023年土地租金的決定。

第一條：調整範圍

本決定規範減少第二條規定的對象的2023年土地租金。

第二條：適用對象

1. 正依政府有權機關的決定書或合約書或土地使用權及地上物所有權證書以每年每付地租的形式直接租賃政府的土地的組織、單位、企業、家庭戶、個人（以下簡稱土地承租人）。

本規定一律適用於不具備減免土地租金資格的承租人、土地租金減免期限屆滿的承租人以及正依土地法規（《土地法》和土地法細則規範文件）及其他相關法規享受土地租金減免的承租人。

2. 處理土地租金減免申請的主管機關；其他有關機關、組織、個人。

第三條：土地租金減免額

1. 對本決定第二條規定的承租人減少 30% 2023 年應繳的土地租金（產生的收入）；2023 年之前年份的未繳土地租金和滯納金利息（如有）不予減少。

2. 本條第 1 款所規定的土地租金減免額，是按照法律規定應繳 2023 年的土地租金（產生的收入）金額計算。土地承租人正依規定享受減少土地租金或/和根據土地租金法規扣除補償費和清理場地的，所減少的 30% 土地租金按減少後應繳土地租金金額（如有）計算或/和依法扣除（政府總理日期 2023/01/31 編號 01/2023/QD-TTg 決定可減少的土地租金除外）。

第四條：減免土地租金的申請文件

1. 土地承租人依本決定隨附附錄的表格提出的 2023 年土地租金減免申請書。

土地承租人對其所填報的土地租金減免資訊的真實性、準確性承擔法律責任，確保權利主體按照本決定的規定獲得土地租金減免。

2. 政府有權機關的土地出租決定書或土地租約或土地使用權及地上物所有權證書（影本）。

第五條：減免土地租金的程序和手續

1. 土地承租人自本決定生效之日起至 2024 年 3 月 31 日止，（透過以下方式之一：直接、電子、郵寄）向管理土地租金徵收的稅務機關、經濟區管理委員會、高新區管理委員會及稅務管理法規規定的其他機構提交 01 套土地租金減免申請文件。土地承租人在 2024 年 3 月 31 日後提交申請文件的，不適用本決定規定的土地租金減免政策。

2. 根據土地承租人依本條第 1 款的規定提出的土地租金減免申請文件，主管機關應自收到本決定第 4 條規定的完整有效文件之日起 30 日內，予以確定可減少土地租金的數額，並依土地租金徵收法規和稅務管理法規出具土地租金減免的決定。

3. 土地承租人獲得主管機關依據本決定的規定決定減少土地租金，但後續政府管理機關經稽查、檢查發現土地承租人不符合本決定規定可減免土地租金的，則土地承租人應依稅務管理法規向國家預算償還獲得減少的土地租金及其滯納金利息。

4. 土地承租人已繳納 2023 年土地租金，經主管機關核定並決定減少土地租金後，如有超額的土地租金，則多繳的金額依據稅務管理法規和其他相關法規從下一期或下一年度的

土地租金中扣除；如不存在下一個土地租金繳納期的，則依稅務管理法規和其他相關法規進行沖減或予以退還多繳的土地租金。

第六條：落實和執行效果

1. 本決定自 2023 年 11 月 20 日起生效。
2. 財政部負責指導、組織實施和處理本決定實施過程中的問題。
3. 部長、部級機關負責人、政府機關負責人、省和中央直轄市人民委員會主席組織稽查、檢查，對違法行為（如有）依法及時給予嚴明處理。
4. 省、中央直轄市人民委員會負責指導地方職能機關依本決定的規定抓緊落實減免土地租金的工作。

各部長、部級機關負責人、政府機關負責人、省和中央直轄市人民委員會主席以及相關企業、組織、家庭戶、個人負責執行本決定。

收件處：

- 政府總理和各副總理；
- 各部、部級機構、政府直屬機構；
- 各省和中央直轄市的人民議會和人民委員會；
- 中央辦公廳和黨各部門；
- 秘書長辦公廳；
- 國家主席辦公廳；
- 民族議會和國會各委員會；
- 國會辦公廳；
- 最高人民法院；
- 最高人民檢察院；
- 國家審計；
- 國家金融監管委員會；
- 社會政策銀行；
- 越南開發銀行；
- 越南祖國陣線中央委員會；
- 各團體的中央機構；

代總理簽

副總理

(已簽名蓋章)

黎明慨

- 政府辦公廳：主任部長、各副部長、總理助理、
電子資訊網站總經理、各務、各局、各直屬單
位；

- 存檔：文管，NN。

~ 恒利翻譯，謹供參考 ~



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2023/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT CỦA NĂM 2023

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc giảm tiền thuê đất của năm 2023.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc giảm tiền thuê đất của năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (sau đây gọi là người thuê đất).

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp người thuê đất không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất, hết thời hạn được miễn, giảm tiền thuê đất và trường hợp người thuê đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai) và pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết hồ sơ giảm tiền thuê đất; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức giảm tiền thuê đất

1. Giảm 30% tiền thuê đất phải nộp (phát sinh thu) của năm 2023 đối với người thuê đất quy định tại Điều 2 Quyết định này; không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2023 và tiền chậm nộp (nếu có).

2. Mức giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 1 Điều này được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (phát sinh thu) của năm 2023 theo quy định của pháp luật. Trường hợp người thuê đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định hoặc/và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất thì mức giảm 30% tiền thuê đất được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (nếu có) sau khi đã được giảm hoặc/và khấu trừ theo quy định của pháp luật (trừ số tiền thuê đất được giảm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ).

Điều 4. Hồ sơ giảm tiền thuê đất

1. Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất năm 2023 của người thuê đất theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Người thuê đất chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin và đề nghị giảm tiền thuê đất của mình, đảm bảo đúng đối tượng được giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

2. Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao).

Điều 5. Trình tự, thủ tục giảm tiền thuê đất

1. Người thuê đất nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất (bằng một trong các phương thức: Trực tiếp, điện tử, bưu chính) cho cơ quan thuế quản lý thu tiền thuê đất, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, cơ quan khác theo quy định của pháp luật về quản lý thuế kể từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2024. Không áp dụng giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này đối với trường hợp người thuê đất nộp hồ sơ sau ngày 31 tháng 3 năm 2024.

2. Căn cứ hồ sơ giảm tiền thuê đất do người thuê đất nộp theo quy định khoản 1 Điều này; không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 4 Quyết định này, cơ quan có thẩm quyền xác định số tiền thuê đất được giảm và ban hành Quyết định giảm tiền thuê đất theo quy định tại pháp luật về thu tiền thuê đất và pháp luật về quản lý thuế.

3. Trường hợp người thuê đất đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định giảm tiền thuê đất theo quy định của Quyết định này nhưng sau đó cơ quan quản lý nhà nước phát hiện qua thanh tra, kiểm tra việc người thuê đất không thuộc trường hợp được giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này thì người thuê đất phải hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền thuê đất đã được giảm và tiền chậm nộp tính trên số tiền được giảm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4. Trường hợp người thuê đất đã nộp tiền thuê đất của năm 2023 mà sau khi cơ quan có thẩm quyền xác định và quyết định giảm tiền thuê đất có phát sinh thừa tiền thuê đất thì được trừ số tiền đã nộp thừa vào tiền thuê đất của kỳ sau hoặc năm tiếp theo theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan; trường hợp không còn kỳ phải nộp tiền thuê đất tiếp theo thì thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả số tiền nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2023.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai và xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời nghiêm minh các hành vi vi phạm theo đúng quy định của pháp luật (nếu có).

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương khẩn trương triển khai thực hiện việc giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, NN.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Khái